

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí
Năm 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: *Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103349508
- Vốn điều lệ: 42.352.900.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.352.900.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng)
- Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà ICON4, số 243A đường Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 37 722 722
- Số fax/Fax: 024 37 725942
- Website: www.paic.pvn.vn
- Mã cổ phiếu: PAI
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 03/8/2006, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) đã ban hành Quyết định số 2092/QĐ-DKVN, về việc thành lập “Trung tâm công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí” (gọi tắt là PITAC) là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày 21/7/2008, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1648/QĐ-DKVN về việc thành lập công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) trên cơ sở Trung tâm công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Ngày 25/12/2008, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Nghị quyết số 3160/NQ-DKVN về việc phê duyệt phương án thành lập công ty CP Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PV Tech Pro). Công ty PAIC đã chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 16/02/2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 34.267.100.000 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 366/NQ-PV Tech-ĐHĐCĐ ngày 04/05/2011 của Đại hội đồng cổ đông CTCP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty, đến ngày 30/07/2011 Công ty PAIC đã



chào bán thành công 808.580 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 3,2:1, tăng vốn điều lệ từ 34.267.100.000 đồng lên 42.352.900.000 đồng.

Ngày 05/10/2015, CTCP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí đã được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 6299/UBCK-QLPH.

Hiện nay Công ty đã đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là PAI (Theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 215/2016/GCNCP-VSD ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN và Quyết định số 35/QĐ-SGDHN ngày 16/01/2017 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí của Sở Giao dịch Chứng khoán HN).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 09 năm 2014 số 0103349508, Công ty kinh doanh các ngành nghề sau:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân phối vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty; Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các lĩnh vực thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa; Nghiên cứu, tư vấn thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thăm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ

bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;

- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm; Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu; Cung cấp các nội dung, dịch vụ gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

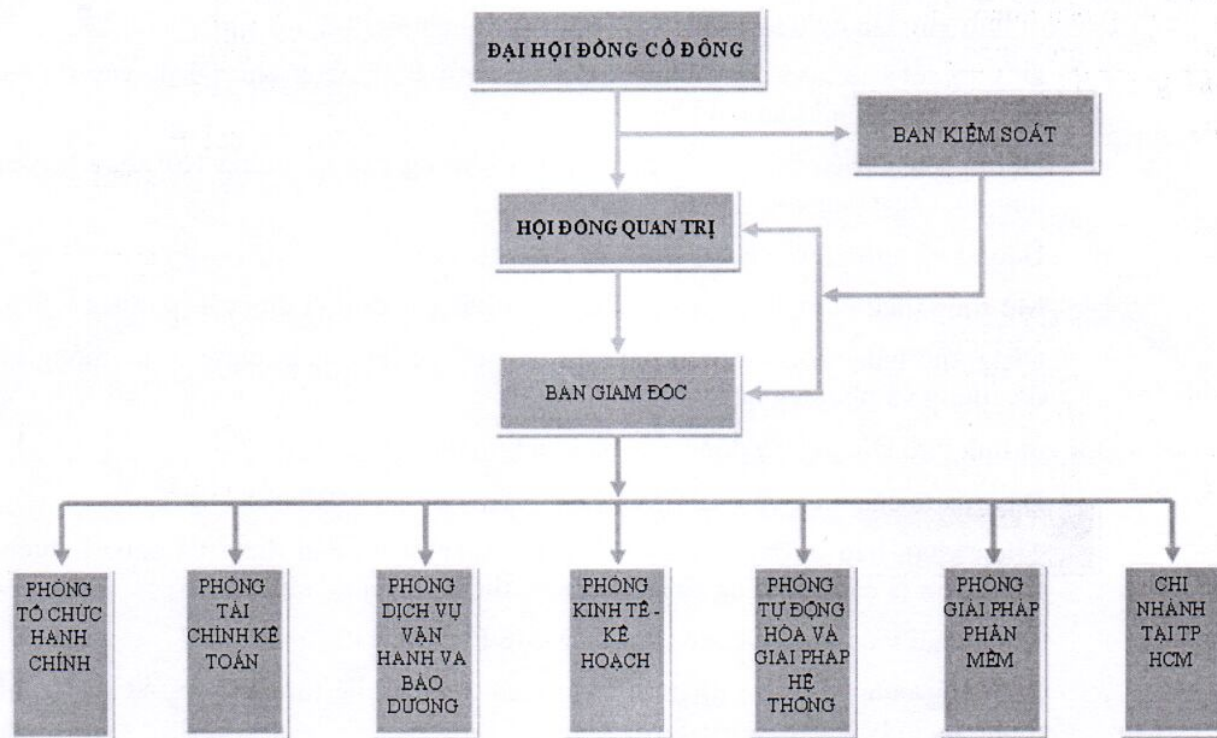
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu tại địa bàn TP.Hà Nội, TP.HCM và TP.Vũng Tàu

+ Trụ sở chính: Tầng 17, tòa nhà ICON4, số 243A đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

+ Chi nhánh: Tầng 11, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm có:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Ban kiểm soát;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban Giám đốc
 - Các phòng chức năng và chi nhánh
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển Công ty trở thành một đơn vị chuyên nghiệp trong ngành Dầu khí Việt Nam về lĩnh vực công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa; Phát triển Công ty toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, hiệu quả và an toàn trên cơ sở phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài, thực hiện đa sở hữu và tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong ngành và phát triển thị trường ngoài ngành

4.2. Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:

*** ĐỊNH HƯỚNG**

Tập trung vào 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính đó là: Dịch vụ Công nghệ thông tin và viễn thông (*bao gồm Vận hành và bảo dưỡng hệ thống*); Dịch vụ Tự động hóa và tích hợp hệ thống; Dịch vụ Phần mềm.

- Đối với lĩnh vực Dịch vụ Công nghệ thông tin và viễn thông:
 - + Duy trì tốt các hợp đồng đang thực hiện với PVN, hạn chế tối đa các rủi ro, kiểm soát và tiết kiệm chi phí;
 - + Hướng phát triển ưu tiên là dịch vụ bảo dưỡng các hệ thống Hội thảo truyền hình tại các Tổng công ty thuộc Tập đoàn;
 - + Đầu tư và hướng tới các dịch vụ bảo mật;
 - + Mở rộng dịch vụ ra hầu hết các khách hàng là các đơn vị thuộc Tập đoàn;
 - + Cung cấp hàng hóa thương mại và các dịch vụ liên quan cho các hệ thống IT dân dụng và phục vụ quản lý.
- Đối với lĩnh vực Dịch vụ tự động hóa và tích hợp hệ thống:
 - + Đẩy mạnh các dịch vụ onshore, tiến tới các dịch vụ offshore;
 - + Triển khai, bảo dưỡng các hệ thống LAN/Telecom dân dụng và công nghiệp, trọng tâm là các hệ thống CCTV, các hệ thống TĐH an ninh;
 - + Triển khai và duy trì các hệ thống CMMS (Maximo);
 - + Mở rộng cung cấp các dịch vụ liên quan đến các hệ thống DCS, SCADA, hệ thống quản lý sản xuất MES/MIS;
 - + Bảo trì các hệ thống C&I;
 - + Phối hợp với một số hãng tự động hóa lớn triển khai mô hình tổng thầu tự động

hóa Main Automation Contract (MAC), MAC Plus (bao gồm cả các hệ thống quản lý sản xuất, MIS);

- + Cung cấp hàng hóa thương mại và các dịch vụ liên quan cho các hệ thống tự động hóa và IT công nghiệp.
- Đối với lĩnh vực Dịch vụ phần mềm:
 - + Phát triển và triển khai các phần mềm nghiệp vụ quản lý, hướng tới đóng gói và đăng ký bản quyền sản phẩm. Ưu tiên trong việc quản lý các lĩnh vực nghiệp vụ đặc thù của ngành dầu khí;
 - + Tiếp tục đầu tư nghiên cứu để triển khai các giải pháp phần mềm quy mô ngành;
 - + Xây dựng mô hình OSDC phục vụ các dự án O&M đảm bảo chất lượng dịch vụ và duy trì những nguồn doanh thu ổn định của các dự án phần mềm sau triển khai;
 - + Đầu tư đào tạo nhân sự để tham gia vào các dự án IT công nghiệp của các đơn vị trong ngành;
 - + Tiếp cận và tham gia dần vào việc dịch vụ tư vấn, triển khai hệ thống ERP;
 - + Cung cấp license phần mềm bản quyền và các dịch vụ liên quan.

*** CHIẾN LƯỢC**

- Phát triển sản phẩm kết hợp đa dạng hoá các sản phẩm liên quan

Sản phẩm dịch vụ của Công ty hiện nay còn quá ít so với nhu cầu của các khách hàng trong và ngoài ngành. Trong tình hình cạnh tranh trong các doanh nghiệp CNTT ngày càng khốc liệt, công ty cần phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng đồng thời có thể khai thác được lâu dài, hướng tới các dịch vụ giá trị gia tăng.

- Hợp tác, liên doanh

Mở rộng quan hệ hợp tác lâu dài, chiến lược với các hãng lớn trong và ngoài nước cho từng lĩnh vực phù hợp để ký kết. Ưu tiên cao nhất trong lĩnh vực tự động hóa, công nghệ thông tin để có chính sách về đầu tư, đào tạo, cung cấp giải pháp, giá cả sản phẩm, thiết bị

- Phát triển nguồn nhân lực

Yêu cầu phát triển nguồn nhân lực là ưu tiên cơ bản trong lĩnh vực dịch vụ. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cần tập trung vào chất lượng, không ngừng đào tạo/đào tạo lại lực lượng tại chỗ, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm.

Xây dựng chính sách lương, thưởng nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc cho công ty. Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của từng CBCNV. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, coi trọng phát triển văn hoá doanh nghiệp.

- Đầu tư

Đầu tư cơ sở vật chất (phòng LAB, xưởng...) phù hợp với điều kiện của công ty và thị trường, hướng ưu tiên là thiết bị phục vụ cho công việc hiệu chỉnh thiết bị, dịch vụ bảo

trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghiệp.

- **Marketing và phát triển thị trường**

Kiện toàn các bộ phận để đảm nhiệm vai trò điều phối hoạt động marketing, phát triển thị trường cho toàn công ty.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, nguyên tắc phối hợp giữa các bộ phận kinh doanh của các phòng ban chức năng để thực hiện công tác marketing các dự án có phạm vi liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, cũng như tận dụng kinh nghiệm, quan hệ khách hàng, thông tin thương mại, quan hệ đối tác, nguồn lực ... để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong công tác marketing.

Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, đối tác, nhà cung cấp chung cho toàn công ty. Quản lý thông tin các hợp đồng, dự án đã thực hiện một cách khoa học, đầy đủ, chính xác để phục vụ cho các dự án, hợp đồng tiếp theo.

Gắn liền công tác marketing với công tác bảo hành, hỗ trợ khách hàng sau triển khai.

Xây dựng các kịch bản marketing theo kế hoạch.

Quyết liệt triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng. Nhân mạnh trách nhiệm người đứng đầu để nâng cao uy tín với khách hàng.

5. Các rủi ro:

- Công ty phát triển chủ yếu theo chiều rộng, việc phát triển theo chiều sâu chưa hiệu quả khiến các hoạt động của Công ty có giá trị gia tăng thấp, việc triển khai dự án phụ thuộc nhiều vào các đối tác, điều này khiến cho vị thế đàm phán của công ty với khách hàng và với các đối tác còn thấp;

- Thu nhập trung bình của Công ty so với mặt bằng trong ngành và mặt bằng các doanh nghiệp công nghệ thông tin, tự động hóa trong nước hiện đang ở mức thấp dẫn tới chảy máu chất xám, nếu không có sự thay đổi, Công ty sẽ phải đối mặt với việc khó duy trì tính ổn định các vị trí chuyên môn cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thuận lợi:

- Là đơn vị trong ngành dầu khí, PAIC luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và ủng hộ của các cổ đông (đặc biệt là cổ đông lớn Petechim), cũng như các đơn vị thành viên của Tập đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- PAIC đã tạo dựng được thương hiệu và thị phần nhất định trong ngành, bước đầu thiết lập được các mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau với các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia, phát triển năng lực dịch vụ.
- Việc tổ chức sắp xếp, phân công lại chức năng nhiệm vụ của các phòng/ban chức năng, rà soát nhân sự, điều chỉnh lại hệ số lương chức danh phù hợp với tình hình

thực tế công việc đã có những chuyển biến mang tính tích cực, chủ động hơn trong hoạt động SXKD.

- Công ty đang thực hiện một số hợp đồng thường xuyên ổn định về doanh thu và có lợi nhuận tương đối tốt.
- Năng lực tài chính của công ty tương đối tốt, phục vụ hiệu quả hoạt động SXKD, doanh thu tài chính ổn định và đóng góp vào lợi nhuận chung.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của PAIC có trình độ chuyên môn, tâm huyết, dám nghĩ dám làm. Các cán bộ công nhân viên của PAIC hầu hết là người trẻ tuổi, có trình độ. Tập thể PAIC có sự đoàn kết, nhất trí, đồng thuận trong việc thực hiện kế hoạch SXKD của công ty.

Tuy nhiên, hoạt động SXKD 2018 vẫn còn gặp nhiều khó khăn chưa hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã được ĐHCĐ giao, cụ thể do các khó khăn sau:

- Trong năm 2018, các khách hàng truyền thống của công ty nhìn chung cắt giảm quy mô đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực mà công ty cung cấp dịch vụ, dự toán thấp và thủ tục triển khai các gói thầu chậm, dẫn đến hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng.
- Các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật PAIC đang tham gia hầu hết gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị ngoài ngành và cả trong ngành.
- Một số khoản nợ xấu tiếp tục gây ảnh hưởng đến kết quả SXKD của công ty trong năm 2018. Dự án SXTN Pin mặt trời dưới áp lực không khí đã hoàn thành công tác quyết toán, để lại hậu quả lớn về tài chính cần phải xử lý.
- Năm 2018, công ty tiếp tục có sự thay đổi về nhân sự HĐQT. Đội ngũ lãnh đạo công ty hiện còn mỏng và chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản trị, điều hành công ty. Đội ngũ nhân sự còn thiếu nhiều chức danh bậc cao, các chuyên gia, cán bộ kinh tế kỹ thuật, quản lý có kinh nghiệm.
- Nguồn lực cơ sở vật chất của PAIC để thực hiện các dịch vụ đặc thù trong ngành dầu khí chưa được đầu tư.

Kết quả SXKD đạt được năm 2018:

| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % TH năm 2018 so với | |
|----|----------------------|---------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2017 |
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 42,353 | 42,353 | 42,353 | 100% | 100% |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 76,313 | 85,000 | 95,974 | 112,91% | 125,76% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,328 | 2,800 | 1,736 | 62,00% | 74,57% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,497 | 2,000 | 0,876 | 43,80% | 58,52% |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------|---------|-------|-------|-------|---------|---------|
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 3,882 | 4,200 | 4,250 | 101,20% | 109,48% |
| 6 | Đầu tư XD CB, mua sắm CCDC | Tỷ đồng | 0,449 | 0,600 | 0,150 | 25,00% | 33,41% |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

a) **Giám đốc: NGUYỄN VIỆT ANH**

- Họ tên: Nguyễn Việt Anh
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 013223962 Ngày cấp: 08/09/2009 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 21/2/1978
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P10B Nhà C Tập thể In Ngân hàng, ngõ Quan Thổ 1, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại: 59/69 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 0919790928
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ CNTT
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ công tác, nơi công tác |
|--------------------|--|
| 03/2003 - 02/2004 | Chuyên viên Ban CNTT, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam |
| 03/2004 - 09/2006 | Chuyên viên Ban KHCN, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam |
| 09/2006 - 08/2007 | Phó phòng QLDA&ĐT Trung tâm CNTT, VT & TĐH Dầu khí (PITAC) |
| 08/2007 - T06/2010 | Trưởng phòng Quản lý Dự án Trung tâm PITAC, Công ty TNHH ITV Công nghệ thông tin và Tự động hóa Dầu khí và Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí |
| 07/2010 – 8/2014 | Phó Giám đốc Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí |
| 09/2014 – nay | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí |

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 01/03/2019: 10.000 cổ phần

Trong đó:

- ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Phó Giám đốc: Đào Việt Phương

- Họ tên: Đào Việt Phương
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 135046344 Ngày cấp: 16/01/2010, Nơi cấp: CA. Vĩnh Phúc
- Ngày sinh: 30/06/1976
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Phương trù, xã Yên Phương, Huyện Yên Lạc, T.Vĩnh Phúc
- Địa chỉ hiện tại: Phòng 508 chung cư 283 Khuong Trung, P.Khuong Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904150147
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân toán tin ứng dụng
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ công tác, nơi công tác |
|-------------------|---|
| 1998 - 2000 | Kỹ sư phát triển phần mềm Công ty FPT |
| 2000 - 04/2002 | Kỹ sư phần mềm Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ phần mềm – CSE thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 04/2002-12/2004 | Trưởng dự án PMIS (quản lý Cán bộ công chức toàn quốc) – Bộ nội vụ Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ phần mềm – CSE thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 12/2004 – 10/2005 | Trưởng dự án quản lý Cán bộ công chức – Toàn ngành Bộ Tài chính Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ phần mềm – CSE thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 10/2005 – 06/2007 | Trưởng dự án Quản lý hồ sơ nghiệp vụ an ninh – Bộ Công an Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ phần mềm – CSE thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 06/2007 – 02/2009 | Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ phần mềm – CSE thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 02/2009 – 05/2010 | Kỹ sư phần mềm PAIC |

| | |
|-------------------|---|
| 05/2010 - 03/2010 | Phó ban dự án quản trị doanh nghiệp PAIC |
| 04/2010 - 03/2012 | Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh PAIC |
| 03/2012 - 06/2013 | Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh PAIC |
| 06/2013 - 03/2016 | Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch PAIC |
| 03/2016 – 07/2017 | Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty PAIC |
| 08/2017 – nay | Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty PAIC, Phụ trách Chi nhánh PAIC tại TP.HCM |

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty, Phụ trách Chi nhánh PAIC tại TP.HCM
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 01/03/2019: 1.000 cổ phần

Trong đó:

- ✓ Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Kế toán trưởng: Nguyễn Ngọc Lan

- Họ tên: Nguyễn Ngọc Lan
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012022693 Ngày cấp: 01/07/2010 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 15/06/1980
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 8, ngõ 218 Đường Láng, Đống Đa, HN
- Địa chỉ hiện tại: Số 8, ngõ 218 Đường Láng, Đống Đa, HN
- Số điện thoại: 0904156301
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ công tác, nơi công tác |
|---------------------|--|
| 2002 – 10/2008 | Chuyên viên Kế toán Ban Quản lý Dự án công trình Liên hợp Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn |
| 10/2008 – 02/2009 | Chuyên viên Kế toán Công ty TNHH CNTT và Tự động hóa Dầu khí |
| 02/2009 – 06/2012 | Chuyên viên Phòng TCKT PAIC |
| 06/2012 đến 04/2015 | Phó phòng TCKT PAIC |
| 05/2015 đến nay | Kế toán trưởng PAIC |

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 01/03/2019: 1.000 cổ phần

Trong đó:

- ✓ Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Thay đổi trong Ban điều hành năm 2018: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến 31/12/2018 là 84 người

Định hướng xây dựng chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng, giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản | 61.766.465.643 | 92.194.808.833 | +49% |
| Doanh thu thuần | 74.615.979.672 | 94.038.867.287 | +26% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.938.115.919 | 3.511.541.284 | -11% |
| Lợi nhuận khác | (1.610.453.635) | (1.775.656.055) | +10% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.327.662.284 | 1.735.885.229 | -25% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.497.150.008 | 876.117.682 | -41% |
| Tỷ lệ trả cổ tức | 3% | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2017 | Năm 2018 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 3,39 | 2,41 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 3,38 | 2,34 | |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> | | | |
| <u>Nợ ngắn hạn</u> | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,27 | 0,51 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,37 | 1,06 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 437 | 69,9 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,2 | 1,02 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,02 | 0,01 | |

| | | | |
|---|------|------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,03 | 0,02 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,02 | 0,01 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,05 | 0,04 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng đang lưu hành: 4.235.290 Cổ phần
- Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 07/11/2018):

- Danh sách cổ đông lớn chiếm $\geq 5\%$ VĐL Công ty:

| STT | Cổ đông | Số CP sở hữu | Tỷ lệ/VĐL C.ty |
|-----|--|------------------|----------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí | 2.196.000 | 51,85% |
| 2 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 576.120 | 13,60% |
| 3 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 504.000 | 11,90% |
| 4 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí | 501.810 | 11,85% |
| 5 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | 360.000 | 8,50% |
| | Tổng cộng | 4.137.930 | 97,70% |

- Cổ đông nhỏ Công ty: Có 99 cổ đông nhỏ sở hữu tổng số 97.360 cổ phần chiếm 2,30% VĐL Công ty.

- Cổ đông tổ chức: Có 5 cổ đông sở hữu tổng số 4.137.930 cổ phần chiếm 97,70% VĐL Công ty.

- Cổ đông trong nước: Có 103 cổ đông đang sở hữu 4.230.290 cổ phần chiếm 99,88% VĐL Công ty.

- Cổ đông nước ngoài: Có 1 cổ đông đang sở hữu 5.000 cổ phần chiếm 0,12% VĐL Công ty.

- Cổ đông Nhà nước: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) là cổ đông nhà nước duy nhất đang sở hữu 576.120 cổ phần chiếm 13,60% VĐL Công ty.

- Cổ đông khác: Các cổ đông không phải là cổ đông nhà nước bao gồm 103 cổ đông đang sở hữu 3.659.170 cổ phần, chiếm 86,40% VĐL Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

01/11/2018
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
 VỐN NHÀ NƯỚC
 VIỆT NAM

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: *Không có*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có*

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: *Không có*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: *Không có*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: Tính đến 31/12/2018 là 84 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động năm 2018 là 11,396 triệu đồng/người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Người lao động được bố trí nơi làm việc khang trang, mát mẻ, trang thiết bị làm việc đáp ứng đầy đủ cho công việc của mỗi chức danh.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền tới toàn thể CBCNV Công ty về các biện pháp cấp bách về An toàn Vệ sinh lao động- Phòng chống cháy nổ đặc biệt là trong các dịp lễ tết, đồng thời yêu cầu CBCNV thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của BQL Toà nhà và Công ty để đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Quán triệt Chính sách An toàn-Sức khỏe-Môi trường tới toàn thể CBCNV trong Công ty.

- Chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, luôn nỗ lực trong việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, cũng như giáo dục, nâng cao ý thức về bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên.
- Ban giám đốc luôn chú trọng đến công tác An toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, sức khỏe cho NLĐ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV.
- Chế độ phúc lợi cho Người lao động được thực hiện đúng theo quy định của Thỏa ước lao động tập thể Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2018, điều kiện hoạt động SXKD vẫn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, Công ty vẫn dành ngân sách cho hoạt động đào tạo, đảm bảo tổ chức được các khoá đào tạo cần thiết phục vụ cho nhu cầu SXKD của Công ty.

- Cụ thể trong năm 2018, Công ty đã tổ chức được 4 lượt người đào tạo với tổng kinh phí là 38.000.000 đồng (không kể chi phí đào tạo từ nguồn giá vốn của dự án).

- 100% số CBCNV được cử đi đào tạo đạt kết quả học tập tốt. Bằng những kiến thức đã được học, CBCNV luôn có ý thức áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế công việc của mình và có tiến bộ về chuyên môn và kỹ năng công tác.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả SXKD:

| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ % TH năm 2018 so với | |
|----|---------------------------------|---------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2017 |
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 42,353 | 42,353 | 42,353 | 100% | 100% |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 76,313 | 85,000 | 95,974 | 112,91% | 125,76% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,328 | 2,800 | 1,736 | 62,00% | 74,57% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,497 | 2,000 | 0,876 | 43,80% | 58,52% |
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 3,882 | 4,200 | 4,250 | 101,20% | 109,48% |
| 6 | Đầu tư XD CB, mua sắm CCDC | Tỷ đồng | 0,449 | 0,600 | 0,150 | 25,00% | 33,41% |

❖ **Nguyên nhân không đạt kế hoạch lợi nhuận:**

Mặc dù với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty nhưng kết quả lợi nhuận năm 2018 của Công ty không đạt được do những nguyên nhân chính sau:

- Đặc điểm SXKD của PAIC là ít có các dự án, hợp đồng mang tính dài hơi, gói đầu, chưa có chủ trương, định hướng sản phẩm dịch vụ có ưu thế cụ thể để tiếp cận thị trường và đánh giá được khả năng cung cấp.
- Với chủ trương mở rộng thị trường, mở rộng khách hàng mới, tạo hồ sơ năng lực của Công ty để thuận lợi cho hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia đấu thầu trong những năm tiếp theo, nên Công ty đã vượt mức kế hoạch doanh thu, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trong các hợp đồng mới chưa cao, dẫn đến chỉ số lợi nhuận chưa đạt kế hoạch và tương ứng với chỉ tiêu doanh số.
- Công ty tiếp tục phát sinh các chi phí trong năm 2018 và ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu lợi nhuận: Truy thu thuế, phạt thuế, trích lập dự phòng 50% hai khoản nợ xấu. Nếu không có các chi phí phát sinh này, công ty sẽ đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận được giao.
- Việc cắt giảm nhân sự, điều chỉnh lương tuy đã thực hiện một phần nhưng còn rất khó khăn do các yếu tố lịch sử để lại.

❖ **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Ban điều hành đã chủ động, tích cực bám sát kế hoạch đầu tư, mua sắm, triển khai dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa của các đơn vị trong ngành Dầu khí. Cụ thể, chi tiết kế hoạch của các đơn vị để tập trung vào các cơ hội mà công ty có thể cung cấp dịch vụ. Phân công các cán bộ của Công ty phụ trách từng đơn vị trong tập đoàn bám sát và tiếp cận các thông tin, các đầu mối quan trọng của khách hàng và tiến hành công tác xúc tiến thương mại liên quan.
- Thành lập tổ xúc tiến thương mại để điều phối hoạt động marketing của toàn công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển và mở rộng thị trường ra các khách hàng ngoài ngành.
- Luôn quan tâm nâng cao chất lượng dịch vụ và hỗ trợ sau triển khai để tạo uy tín với khách hàng.
- Sử dụng vốn điều lệ và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Xây dựng và kiểm soát kế hoạch chi phí của Công ty; giám sát chặt chẽ công tác quản lý tài chính kế toán và sử dụng chi phí từ Công ty đến các phòng/ban nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Giám sát chặt chẽ các chi phí dự án nhằm đảm bảo tối ưu chi phí khi thực hiện triển khai các dự án.
- Luôn chấp hành đúng, đầy đủ việc lập và thực hiện hệ thống tài chính kế toán theo đúng quy chế tài chính của Công ty và của Nhà nước.

- Thực hiện việc trích nộp ngân sách nhà nước đầy đủ kịp thời không để bị nợ đọng về các khoản thuế của Nhà nước, bảo toàn các nguồn vốn của Công ty đảm bảo không bị thiếu hụt làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp, tuân thủ nghiêm túc các quy chế, quy định của công ty trong quản lý tài chính, hạn chế tối đa các rủi ro.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của PAIC tại ngày 31/12/2018 là 92.194.808.833 đồng, tăng 49% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn là 70,56 tỷ đồng, tài sản dài hạn là 21,63 tỷ đồng, đều tăng so với các chỉ tiêu này tại thời điểm 31/12/2007, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 25% và tài sản dài hạn tăng gấp 4 lần, chủ yếu do phát sinh khoản phải thu dài hạn khách hàng. Công ty tiếp tục hạch toán giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang do giảm chi phí phát sinh của dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời theo Nghị quyết được đại hội cổ đông năm 2017 phê duyệt. Trong năm 2018, căn cứ theo tình hình thực tế, PAIC đã đánh giá lại một số khoản nợ còn tồn đọng và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với mức 1,04 tỷ đồng. Năm 2017 không trích lập dự phòng.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại 31/12/2018 là 47,6 tỷ đồng, tại 31/12/2017 là 16,6 tỷ đồng, tăng 2,86 lần. Nợ ngắn hạn năm 2018 là 29,3 tỷ đồng, năm 2017 là 16,6 tỷ đồng, tăng 76,5%. Năm 2018 Công ty phát sinh công nợ phải trả dài hạn, năm 2017 không có.

Công ty tiếp tục duy trì được khả năng đáp ứng và sự chủ động trong việc thanh toán với hệ số thanh toán ngắn hạn là 2,41 và hệ số thanh toán nhanh là 2,34. Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu tuy tăng so với năm 2017. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm nhẹ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công tác tổ chức luôn được kiện toàn cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Ban điều hành tiếp tục duy trì, cải tiến và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, hệ thống văn bản an toàn bảo mật thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001-2013 một cách triệt để và hiệu quả.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Phát huy lợi thế của Công ty, mục tiêu phấn đấu xây dựng Công ty trở thành nhà cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa số 1 trong ngành dầu khí, đảm đương vị trí quan trọng – là đầu mối triển khai các ứng dụng Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, tiếp tục xây dựng PAIC có những nền tảng vững chắc để phát triển ổn định. Các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản được đề ra gồm:

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín của PAIC đối với các đơn vị trong ngành. Trong bối cảnh hiện nay, quan điểm phát triển bền vững, chọn tiêu chí hiệu quả, hạn chế rủi ro phát sinh của từng dự án làm mục tiêu thực hiện.

- Duy trì và củng cố hợp đồng thường xuyên với Tập đoàn và các đơn vị đang thực hiện, nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả; mở rộng tìm kiếm hợp đồng dịch vụ O&M mới với các đơn vị trong ngành.

- Tập trung nguồn lực cho các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ khách hàng để lấy lại và nâng cao uy tín, thể hiện sự gắn kết, các trách nhiệm liên quan một cách thường xuyên, liên tục với khách hàng.

- Hướng tới các các dịch vụ như: Triển khai các hệ thống LAN/Telecom dân dụng và công nghiệp, trọng tâm là các hệ thống CCTV, Hội thảo truyền hình; CMMS (Maximo); Bảo trì các hệ thống C&I...

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ tự động hóa (từ các dịch vụ đơn giản phù hợp với nguồn lực hiện có đến việc hợp tác với các đối tác và đầu tư nguồn lực tương xứng để nâng cao mức độ, giá trị của các dịch vụ cung cấp), trong đó tập trung vào hướng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công nghiệp và dịch vụ offshore.

- Sắp xếp lại bộ phận phần mềm theo hướng tinh gọn, tập trung vào mảng quản lý dự án, phân tích thiết kế phần mềm. Xem xét đóng gói một số sản phẩm mà công ty có thể mạnh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

- Ý kiến về chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí không được phê duyệt quyết toán hiện Công ty vẫn đang theo dõi một phần tại khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang mà chưa đưa vào Chi phí khác: căn cứ theo nghị quyết đã được Đại hội cổ đông phê duyệt, Công ty thực hiện phân bổ đều chi phí này trong 3 năm. Tại báo cáo năm 2018, Công ty đã kết chuyển vào Chi phí khác số tiền tương ứng.

- Ý kiến về các khoản phải thu chưa xác nhận: Do tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chúng tôi cũng như phía cơ quan kiểm toán không nhận được xác nhận công nợ của khách hàng. Đối với các khoản Phải thu ngắn hạn khách hàng và Phải thu ngắn hạn khác, Công ty đã đánh giá thận trọng và có kế hoạch thu hồi các khoản công nợ này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ của Công ty:

- Trong năm 2018 để tổ chức, quản lý và giám sát công tác điều hành của Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ, đánh giá hàng Quý, cả năm. Ngoài ra theo yêu cầu công việc và để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, HĐQT đã tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT thông qua văn bản (nghị quyết, quyết định). Các cuộc họp hay xin ý kiến của HĐQT đều có đầy đủ thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Công ty tham dự theo đúng quy định;

- HĐQT Công ty phối hợp với Ban KS công ty, thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời;

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã phê duyệt các Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo hoạt SXKD của Công ty cũng như phê duyệt các nội dung chỉ đạo công tác SXKD theo thẩm quyền từ đề nghị của Giám đốc Công ty.

1.2. Công tác chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty

Ngay từ những tháng đầu năm 2018, HĐQT đã ý thức sâu sắc về trọng trách chỉ đạo định hướng trong công tác quản trị Công ty, đồng thời HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát luôn bám sát và chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty PAIC năm 2018 được ĐHCĐ giao, HĐQT đã họp 5 phiên định kỳ để xem xét, đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty theo định kỳ để Hội đồng quản trị có những chỉ đạo định hướng, cảnh báo kịp thời trong công tác quản trị Công ty đối với Ban điều hành, thực hiện nhiều phiên họp khác dưới hình thức trao đổi, thực hiện lấy ý kiến qua văn bản và thư điện tử để ra các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tuy nhiên, năm 2018 trong bối cảnh tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, đặc biệt là trong ngành Dầu khí do tác động của giá dầu liên tục biến động bất thường tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, cộng với các yếu tố chủ quan, cũng như khách quan của Ban điều hành Công ty, năm 2018 Công ty hoạt động SXKD có lãi, nhưng vẫn chưa hoàn thành kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2018 | Thực hiện năm 2018 | Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch |
|-----|----------------|-------------|-------------------|--------------------|---------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 42,353 | 42,353 | 100% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 85,000 | 95,974 | 112,91% |

| | | | | | |
|---|---|----------------------------|--------|--------|---------|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 2,800 | 1,736 | 62,00% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 2,000 | 0,876 | 43,80% |
| 5 | Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 4,200 | 4,250 | 101,20% |
| 6 | Đầu tư, mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 0,600 | 0,150 | 25,00% |
| 7 | Tiền lương bình quân | Triệu đồng/ người/tháng | 11,200 | 11,396 | 101,75% |
| 8 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/ người/tháng | 12,400 | 12,720 | 102,58% |

1.3. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT.

- HĐQT luôn phối hợp, hỗ trợ cùng Ban điều hành và CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Trong quá trình chỉ đạo và giám sát Giám đốc Công ty trong việc triển khai KH SXKD, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những cảnh báo, khuyến nghị về những rủi ro cho Giám đốc trong quá trình điều hành SXKD của Công ty;

- Các UV HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện chức năng quyền hạn của HĐQT, các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo đúng quy định, các thành viên tích cực đóng góp ý kiến, gợi mở nhiều hướng phát triển SXKD của Công ty cũng như các vấn đề nâng cao quản trị doanh nghiệp;

- Các Nghị quyết của HĐQT đều có nội dung đảm bảo ban hành đúng quy định, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và phù hợp với chủ trương và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các vấn đề được thảo luận, lấy ý kiến và tổng hợp biên bản, nội dung các quyết nghị của HĐQT được thực hiện đúng quy trình và phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nghiệp vụ SXKD của Công ty.

- Thực hiện giám sát trước: Hội đồng quản trị đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện KH SXKD theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; bổ sung hoàn thiện để tổ chức thực hiện đồng bộ các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thực hiện giám sát trong: Định kỳ hàng quý, hoặc đột xuất Chủ tịch HĐQT dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện KH SXKD, các hoạt động của Công ty; kiểm tra, giám sát công tác tổ chức và điều hành của Ban Giám đốc trên các mặt hoạt động của Công ty; kiểm tra, giám sát thông qua chế độ báo cáo của Giám đốc theo quy định.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện theo đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát HĐQT nắm bắt được kịp thời diễn biến hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong từng giai đoạn để có biện pháp chỉ đạo kịp thời và xử lý từng trường hợp cụ thể.

- Trong năm 2018, HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty giải quyết các vấn đề còn tồn đọng và vướng mắc của Công ty như nợ xấu, Dự án APP-CVD...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, HĐQT Công ty tiếp tục quyết tâm, phối hợp chặt chẽ trong quản lý với Ban điều hành và CBCNV Công ty tích cực phấn đấu, kịp thời tháo gỡ các khó khăn quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể trong năm 2019, Hội đồng quản trị quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

3.1. Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện thắng lợi KH SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao năm 2019.

3.2. Bám sát và chỉ đạo Ban điều hành trong năm 2019 xử lý xong chi phí phát sinh của Dự án Pin mặt trời so với giá trị quyết toán của Tập đoàn theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đã thông qua.

3.3. Tăng cường quản trị rủi ro doanh nghiệp:

- Tăng cường giám sát/quản trị rủi ro, đáp ứng quy định về các tỷ lệ an toàn (sử dụng vốn/nguồn vốn, giám sát chi phí, tăng cường chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp, giám nợ khó đòi); đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình quy chế, và tuân thủ các quy trình, quy chế trong hoạt động hàng ngày của Công ty đã ban hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, kiểm toán, trong đó đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra bao gồm cả tự kiểm tra, tiếp thu đầy đủ các đánh giá của BKS trong các báo cáo hàng năm, đôn đốc Ban điều hành công ty xử lý các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản trị doanh nghiệp (*giải quyết triệt để, hiệu quả các khoản nợ quá hạn, các hợp đồng đang tranh chấp để tránh thất thoát vốn của Công ty*);

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty để có phương án xử lý và cảnh báo kịp thời cho Ban điều hành Công ty.

3.4. Tiếp tục thực hiện triệt để và có hiệu quả chương trình hành động về thực hành, tiết kiệm chống lãng phí trong các hoạt động SXKD của Công ty; nâng cao năng suất lao động của toàn bộ máy Công ty;

3.5. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế/quy trình, cơ cấu tổ chức, phát triển và mở rộng thị trường:

- Đánh giá hàng quý trong kỳ họp định kỳ của HĐQT việc áp dụng các quy chế/quy

trình do Hội đồng quản trị ban hành (*Quy chế tài chính, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế trả lương, thưởng...*) và kiến nghị sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu có);

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty nhằm phù hợp với tình hình mới;

- Chỉ đạo Ban điều hành không ngừng mở rộng và phát triển sản phẩm, mạng lưới dịch vụ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng lực cạnh tranh cao (dịch vụ CNTT và dịch vụ phần mềm...). Tiếp tục phát huy và nâng cao hàm lượng tham gia của PAIC trong các hợp đồng dịch vụ, dự án của Công ty tiến tới Công ty có thể chủ động 100% trong việc triển khai thực hiện các hợp đồng dịch vụ, dự án của Công ty;

3.6. Phát triển hoạt động đối ngoại của Công ty:

Tiếp tục phát triển hoạt động hợp tác đối ngoại, xúc tiến mở rộng phạm vi kinh doanh; Hợp tác với các đối tác nước ngoài để nâng cao năng lực chuyên môn đặc biệt trong TĐH và phần mềm nhằm phát triển sản phẩm dịch vụ của Công ty.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư các khoản công nợ phải thu của khách hàng với số dư tại thời điểm 31/12/2018 là 3.944.613.129 VNĐ. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định số dư của các khoản mục trên tại thời điểm 31/12/2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu trong báo cáo tài chính về số dư các khoản công nợ phải thu khác hàng, phải trả người bán, và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí không được phê duyệt quyết toán thuộc Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11/03/2015 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam với số tiền là 4.686.717.816 VND được Công ty trình bày vào khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng Cân đối Kế toán và thực hiện phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (khoản mục Chi phí khác) các năm 2017 và 2018 với số tiền là 1.549.572.606 VNĐ, số còn lại chưa phân bổ tại ngày cuối năm với số tiền là 1.549.572.606 VNĐ. Theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí khác” trong năm 2015. Theo đó, nếu hạch toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán vào khoản mục “Chi phí khác” trong năm 2015 thì khoản mục “Lỗi lũy kế đến cuối năm trước” và khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày đầu năm và cuối năm sẽ tăng/giảm đi cùng một số tiền là 1.549.572.606 VNĐ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2018 bao gồm khoản phải thu khách hàng với số tiền 2.080.202.995 VNĐ đã quá hạn thanh toán và được trích lập dự phòng 50% với số tiền 1.040.101.498 VNĐ. Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được 50% giá trị khoản phải thu khách hàng nói trên. Chúng tôi không thể xác định được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, và khoản dự phòng cần trích lập hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2018 bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền là 1.646.068.395 VNĐ đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng có thể thu hồi được giá trị khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn nói trên và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu ngắn hạn khác. Chúng tôi không thể xác định được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản dự phòng cần trích lập hay không

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ý kiến báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ Website công bố, cung cấp báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty:

<http://www.paic.pvn.vn>

Nơi nhận:

- UBCKNN; Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- HĐQT, T.BKS C.ty (để b/c);
- Website: www.paic.pvn.vn;
- Lưu VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Việt Anh